THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 882/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Chủ đề và nhiệm vụ

Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh gồm 18 chủ đề, 57 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 134 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể như sau:

a) 18 chủ đề bao gồm:

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 9 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 3 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 6 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh, bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 14 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 6 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Hội nhập và hợp tác quốc tế, bao gồm: 3 nhóm nhiệm vụ, hoạt động.

- Bình đẳng trong chuyển đổi xanh, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 4 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Năng lượng, bao gồm: 5 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 11 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Công nghiệp, bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 4 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Giao thông vận tải và dịch vụ logistics, bao gồm: 6 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 18 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Xây dựng, bao gồm: 4 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 13 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm: 5 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 11 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Quản lý chất thải, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 3 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Quản lý chất lượng không khí, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 2 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Quản lý tài nguyên nước, tài nguyên đất đai, đa dạng sinh học; phát triển kinh tế biển xanh, bao gồm: 6 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 16 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Tiêu dùng và mua sắm xanh, bền vững, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 4 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Y tế, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 6 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

- Du lịch, bao gồm: 2 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 4 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể.

b) 57 nhóm nhiệm vụ, hoạt động và 134 nhiệm vụ, hoạt động cụ thể được chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Tổ chức thực hiện

a) Ban Chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh do một Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan, để tổ chức phối hợp liên ngành, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về tăng trưởng xanh và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quốc gia về tăng trưởng xanh, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh; hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện; chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan xác định và phân bổ nguồn tài chính trong nước và điều phối các nguồn tài trợ của nước ngoài, cơ chế chính sách thúc đẩy thực hiện Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.

c) Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chủ trì và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động được quy định trong Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Nguồn lực thực hiện

Nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 bao gồm:

- Ngân sách nhà nước: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, chính sách ưu đãi về thuế.

- Hỗ trợ quốc tế: vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn hỗ trợ và vay ưu đãi cho tăng trưởng xanh.

- Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân: tín dụng xanh, trái phiếu doanh nghiệp xanh; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho tăng trưởng xanh, thu từ trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

- Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác: vốn huy động công - tư cho các dự án xanh, các quỹ trong nước nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Chế độ báo cáo

- Các bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan định kỳ tổ chức rà soát tình hình thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được giao tại Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, tổng hợp vào báo cáo thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo quy định.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm điều phối việc thực hiện tăng trưởng xanh, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện, tổng hợp thông tin, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, báo cáo Ban chỉ đạo quốc gia xem xét, quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

Phụ lục I

DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ TĂNG TRƯỞNG XANH GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1	**Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn kết với các mục tiêu tăng trưởng xanh**					
1.1	Hoàn thiện đồng bộ khung cơ chế, chính sách, pháp luật thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ theo hướng tăng cường tính liên ngành, liên vùng, thúc đẩy các ngành xanh, giảm phát thải khí nhà kính và các chất gây ô nhiễm, sử dụng hiệu quả tài nguyên, ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai, đa thiên tai, chú trọng các vùng dễ bị tổn thương.					
1.1.1	Tổ chức Ban Chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng xanh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) **(Cao; Nhóm A):**		Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Ban chỉ đạo	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố	I, II	- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (1) thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về tăng trưởng

[1] Chú thích "(Cao)" đối với nhiệm vụ, hoạt động cụ thể có mức độ ưu tiên cao.

[2] Nhiệm vụ, hoạt động được phân loại theo các chủ đề sau (có thể thuộc nhiều hơn 1 chủ đề): A. Hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; B. Nâng cao nhận thức, giáo dục, phát triển nhân lực; C. Huy động nguồn lực tài chính; D. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; E. Khía cạnh xã hội trong tăng trưởng xanh (tính bao trùm, bình đẳng, năng lực chống chịu của con người).

[3] Nhiệm vụ, hoạt động được đánh giá có thể tiếp cận các nguồn lực sau (có thể chọn nhiều hơn 1 nguồn lực): I. Ngân sách nhà nước; II. Hỗ trợ quốc tế; III. Nguồn vốn vay thương mại và đầu tư tư nhân; IV. Nguồn vốn cộng đồng và xã hội khác.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Thành lập Ban chỉ đạo.	2022		trực thuộc TW; Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức thành viên; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan; viện nghiên cứu, trường đại học.		xanh; (2) Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo. - Chương trình công tác hàng năm.
	- Ban hành, tổ chức triển khai Quy chế hoạt động và các Chương trình công tác của Ban Chỉ đạo.	2022 - 2030				
1.1.2	Hướng dẫn, triển khai xây dựng các văn bản cụ thể hóa định hướng thực hiện tăng trưởng xanh các cấp **(Cao; Nhóm A):**				I, II	
	- Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh các cấp và tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến mục tiêu quốc gia đạt phát thải ròng bằng "0" (PTR0) vào năm 2050	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; các cơ quan, tổ chức có liên quan.		- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu Tư về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh các cấp và tích hợp tăng trưởng xanh vào chiến

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành.					lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành. - Các khóa tập huấn, hoạt động hỗ trợ bộ, ngành, địa phương.
	- Xây dựng lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050.	2022 - 2023	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Văn phòng Quốc hội, Ban Kinh tế Trung ương; cộng đồng doanh nghiệp, các viện nghiên cứu, trường đại học.		Lộ trình hiện thực hóa tăng trưởng xanh gắn với phát triển kinh tế - xã hội với tầm nhìn dài hạn nhằm đạt được mục tiêu PTR0 vào năm 2050.
	- Sau 01 năm kể từ ngày Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 được phê duyệt, ban hành Kế hoạch hành động	2023	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Cộng đồng doanh nghiệp; các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		- Quyết định của các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW phê duyệt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	tăng trưởng xanh cấp bộ, cấp tỉnh và/hoặc tích hợp tăng trưởng xanh vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ phù hợp với tình hình thực tiễn. Cập nhật tích hợp tăng trưởng xanh hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050 cho giai đoạn mới.	2022 - 2030				- Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ đã tích hợp tăng trưởng xanh và hướng đến mục tiêu PTR0 vào năm 2050.
1.1.3	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, rủi ro thiên tai theo các cấp, các ngành nhằm nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai (tích hợp chính sách, huy động nguồn lực...) **(Cao; Nhóm A):**	2022 - 2030	Ban Chỉ đạo/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; các cơ quan, tổ chức có liên quan.	I, II; IV	

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp quốc gia.		Bộ Tài nguyên và Môi trường			- Đề án, nghiên cứu, văn bản hướng dẫn. - Các kịch bản biến đổi khí hậu và hệ thống bản đồ rủi ro khí hậu cấp quốc gia.
	- Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do thiên tai và đa thiên tai cấp quốc gia.		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			- Đề án, nghiên cứu, văn bản hướng dẫn. - Các kịch bản và hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai cấp quốc gia.
	- Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tác động kinh tế - xã hội của thiên tai, đa thiên tai cấp quốc gia.		Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai			- Đề án, nghiên cứu, văn bản hướng dẫn, các khóa tập huấn. - Các kịch bản, hệ thống các bản đồ tác động cấp quốc gia.
	- Hướng dẫn, triển khai, cập nhật đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu cấp quốc gia.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Đánh giá, cung cấp cơ sở dữ liệu cấp bộ, ngành, địa phương về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại để đánh giá tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai cấp quốc gia. Tích hợp kết quả đánh giá vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách các cấp, các ngành theo thẩm quyền.		Các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Các tổ chức có liên quan; cộng đồng doanh nghiệp; các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		- Cơ sở dữ liệu tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia" về tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất, thiệt hại của biến đổi khí hậu, thiên tai, đa thiên tai của các ngành và địa phương, bao gồm các nghiên cứu, đề án, kịch bản, hệ thống các bản đồ rủi ro thiên tai, rủi ro khí hậu (bao gồm CS-MAP). - Các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch liên quan đến huy động nguồn lực và phân bổ ngân sách đã tích hợp kết quả đánh giá tác động.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1.1.4	Nghiên cứu áp dụng các mô hình, công cụ, chính sách đẩy mạnh kinh tế xanh **(Cao; Nhóm A, E):**	2022 - 2030			I, II, III, IV	
	- Thể chế hóa, giám sát việc điều chỉnh, bổ sung áp dụng các chính sách, mô hình, công cụ kinh tế mới để thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, bền vững, đảm bảo bình đẳng và năng lực cạnh tranh, phát huy vai trò quan trọng của khu vực tư nhân trong quá trình chuyển đổi xanh.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.		Đề án đánh giá thực trạng và khuyến nghị các công cụ kinh tế xanh giai đoạn 2022 - 2030; đề án, nghiên cứu về thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh. Các nhiệm vụ triển khai theo khuyến nghị của đề án, nghiên cứu cập nhật theo bối cảnh mới.
	- Chủ trì, giám sát và tổ chức thực hiện các giải pháp thích		Bộ Công Thương	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và		Các đề án, chương trình, kế hoạch ứng phó với CBAM.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	ứng với Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) nhằm đảm bảo năng lực cạnh tranh của Việt Nam trong quá trình chuyển đổi xanh.			Môi trường, các bộ, ngành khác có liên quan; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		
1.1.5	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai, cập nhật thường xuyên hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại xanh quốc gia và các ngành, lĩnh vực cho các hoạt động kinh tế, chương trình, dự án, sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và ngành nghề **(Cao; Nhóm A, C):**	2022 - 2030		UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II	
	- Đối với hệ thống quốc gia.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hệ thống và hướng dẫn về tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại xanh quốc gia.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Đối với hệ thống các ngành.		Các bộ, ngành có liên quan			Hệ thống và hướng dẫn của ngành tích hợp đồng bộ với hệ thống quốc gia.
1.2	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giám sát, đánh giá thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và mức độ xanh hóa của nền kinh tế.					
1.2.1	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai hệ thống chỉ tiêu thống kê về tăng trưởng xanh; bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của các doanh nghiệp, đề xuất lộ trình doanh nghiệp công bố thông tin tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Xây dựng, tích hợp "Chỉ số tăng trưởng xanh tổng hợp" vào các văn bản định hướng, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia **(Cao; Nhóm A).**	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.	I, II	- Văn bản quy phạm pháp luật về hệ thống chỉ tiêu thống kê về tăng trưởng xanh và chế độ báo cáo. - Đề án, văn bản quy định về bộ chỉ tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp. - Các khóa tập huấn. - Kết quả thí điểm, báo cáo hàng năm.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
1.2.2	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai cơ chế giám sát, đánh giá, báo cáo thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh **(Cao; Nhóm A):**	2022 - 2030				
	- Xây dựng, hướng dẫn về giám sát, đánh giá, chế độ báo cáo, bao gồm cơ chế huy động sự tham gia của các bên liên quan trong cung cấp thông tin, gửi báo cáo phục vụ đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược. - Giám sát, đánh giá cấp quốc gia và huy động nguồn lực tài chính, đầu tư cho tăng trưởng xanh và biến đổi khí hậu. - Báo cáo thường niên, sơ kết giữa kỳ vào năm 2025, tổng kết thực hiện vào năm 2030, trình Thủ tướng Chính phủ.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức thành viên; Cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ	I, II	- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia, chế độ báo cáo thực hiện Chiến lược, Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh. - Văn bản hướng dẫn; chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn. - Báo cáo tổng hợp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Giám sát, đánh giá theo ngành, lĩnh vực, địa phương. - Báo cáo thường niên, sơ kết giữa kỳ vào năm 2025, tổng kết thực hiện vào năm 2030 theo ngành, lĩnh vực, địa phương, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.		Các bộ, ngành; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW theo lĩnh vực phụ trách; các cơ quan nhà nước khác có liên quan.		I, II	Văn bản quy định về hệ thống, cơ chế giám sát, đánh giá của các ngành, địa phương. Báo cáo định kỳ của các bộ, ngành, địa phương.
1.2.3	Xây dựng, hướng dẫn, triển khai hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV), thực hiện kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật, đảm	2022 - 2030			I, II	- Văn bản pháp luật quy định về hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV). - Kết quả kiểm kê khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí các cấp, các ngành. - Cơ sở dữ liệu về kiểm kê khí nhà kính và phát

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	bảo tích hợp đồng bộ với hệ thống giám sát và đánh giá tăng trưởng xanh cấp quốc gia **(Cao; Nhóm A):**					thải các chất ô nhiễm không khí các cấp, các ngành được tích hợp đồng bộ với "hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia".
	- Đối với hệ thống MRV và tổ chức kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về khí nhà kính và phát thải các chất ô nhiễm không khí cấp quốc gia.		Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội; tổ chức phi chính phủ.		
	- Đối với hệ thống MRV và thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu khí nhà kính theo ngành, lĩnh vực (năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, các ngành - tiểu		Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội; tổ chức phi chính phủ.		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	ngành công nghiệp có mức tiêu thụ năng lượng cao; nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất; quản lý chất thải).					
	- Đối với thực hiện kiểm kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về phát thải các chất ô nhiễm không khí tại địa phương.		UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Bộ Tài nguyên và Môi trường; các cơ quan, tổ chức có liên quan.		
1.2.4	Xây dựng, quản lý, vận hành, ứng dụng chuyển đổi số đối với hệ thống giám sát, đánh giá, cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh các cấp trên cơ sở sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, đảm bảo tính đồng bộ, liên kết giữa hệ thống các cấp. Xây dựng	2022 - 2030			I, II; IV	- Các cơ sở dữ liệu: (1) tăng trưởng xanh quốc gia; (2) nền địa lý quốc gia; (3) tăng trưởng xanh các ngành, địa phương trên cơ sở sử dụng dữ liệu nền địa lý quốc gia và tích hợp đồng bộ với cơ sở dữ liệu cấp quốc gia.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	và vận hành cổng thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia **(Nhóm A, D):**					- Hệ thống quản lý, giám sát đánh giá tăng trưởng xanh các ngành, các cấp được số hóa. - Cổng thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia.
	- Đối với hệ thống cấp quốc gia và cổng thông tin về tăng trưởng xanh quốc gia.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội; tổ chức phi chính phủ.		
	- Đối với hệ thống cấp ngành, địa phương.		Các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW			
2	**Truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức**					
2.1	Xây dựng hệ thống các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống **(Cao; Nhóm A, E).**	2022 - 2025	Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành có liên quan; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	I	Văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi nghị định hoặc thông tư hướng dẫn) về văn hóa sống xanh, lối sống xanh gắn với các giá trị văn hóa truyền thống.
2.2	Truyền thông về các chuẩn mực, giá trị văn hóa sống xanh, lối sống xanh trong ngành giáo dục, cộng đồng dân cư và các đơn vị cơ quan, doanh nghiệp.					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
2.2.1	Xây dựng và thực hiện chiến dịch truyền thông cấp Quốc gia về tăng trưởng xanh **(Nhóm B)**, bao gồm: - "Tuần lễ Xanh" theo chủ đề hàng năm và các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức có liên quan. - Đánh giá hiệu quả và tác động đến nhận thức và thực hành về tăng trưởng xanh của các đơn vị, doanh nghiệp, cộng đồng, người dân.	2022 - 2030	Ban chỉ đạo Quốc gia tăng trưởng xanh/ Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành có liên quan; các cơ quan truyền thông TW và địa phương; Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức thành viên (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ VN; Hội Nông dân; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN…); cộng đồng doanh nghiệp.	I, II; IV	Chiến dịch truyền thông cấp quốc gia, "Tuần lễ Xanh", các hoạt động truyền thông thúc đẩy tăng trưởng xanh.
	- Chương trình truyền thông về các khía cạnh của tăng trưởng xanh như kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển xanh, lối sống và tiêu dùng xanh (ủng		Bộ Thông tin và Truyền thông.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan; các cơ quan truyền thông TW và địa phương; Mặt trận tổ quốc VN		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	hộ sản phẩm dán nhãn xanh/sinh thái/năng lượng/ các-bon...; thay đổi hành vi cụ thể như tăng cường tái chế, sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm thiểu chất thải, rác thải nhựa...); chống chịu với biến đổi khí hậu...			và các tổ chức thành viên (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ VN; Hội Nông dân; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN…); cộng đồng doanh nghiệp.		
2.2.2	Tích hợp truyền thông về vai trò, ý nghĩa tăng trưởng xanh; phổ biến những quy định, chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh và trách nhiệm của xã hội; khuyến khích những hành động thiết thực về lối sống, tiêu dùng xanh hài hòa với thiên nhiên gắn với	2022 - 2030	Các bộ, ngành theo thẩm quyền; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Mặt trận Tổ quốc VN và các tổ chức thành viên; các cơ quan nhà nước khác có liên quan.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông; các cơ quan truyền thông trung ương và địa phương.	I, II; IV	Kế hoạch truyền thông của các ngành, các lĩnh vực, tích hợp vào chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới và Chương trình Mỗi xã một sản phẩm.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	các giá trị văn hóa truyền thống, chống chịu với biến đổi khí hậu và thiên tai trong các chương trình mục tiêu quốc gia cùng các kênh truyền thông của các cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương **(Nhóm B).**					
2.2.3	Tăng cường phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội để tuyên truyền, giáo dục về kỹ năng mềm, hình thành phong cách, ý thức sống xanh, văn minh, cống hiến và sáng tạo **(Nhóm B)**.	2022 - 2030	Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông; các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội.	I, II, III, IV	Đề án truyền thông và nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh trong ngành giáo dục.
3	**Phát triển nguồn nhân lực và việc làm xanh**					
3.1	Nghiên cứu, khảo sát, thống kê số liệu, định kỳ dự báo nhu cầu và khả năng cung ứng nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh; phổ biến, cung cấp thông tin về thị trường việc làm xanh và tạo điều kiện khuyến khích phát triển nguồn nhân lực cho các ngành nghề xanh.					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
3.1.1	Xây dựng tiêu chí, phương pháp đo lường việc làm xanh; hệ thống cập nhật và tổng hợp thông tin về việc làm xanh từ cấp cơ sở, doanh nghiệp đến cấp bộ, ngành tích hợp đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu tăng trưởng xanh quốc gia **(Cao; Nhóm B, E).**	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN; Tổng Liên đoàn Lao động VN, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN, Liên minh Hợp tác xã; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề.	I, II, III, IV	- Tiêu chí, phương pháp đo lường việc làm xanh. - Hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về việc làm xanh.
3.1.2	Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực và khả năng cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh dựa trên định hướng của các ngành (có phân tổ các chỉ tiêu theo giới tính,	2022 - 2030	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn	I, II	Đề án nghiên cứu nhu cầu nhân lực đáp ứng tăng trưởng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	dân tộc, vùng miền, độ tuổi...). Hình thành, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia cho các ngành nghề xanh (dự báo nhu cầu lao động, yêu cầu về năng lực, kỹ năng...), kết nối cung và cầu trong thị trường lao động việc làm xanh **(Cao; Nhóm B, E).**			lâm Khoa học xã hội VN; Tổng Liên đoàn Lao động VN.		
3.2	Tăng cường công tác giáo dục và đào tạo các ngành nghề xanh, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh.					
3.2.1	Tích hợp tăng trưởng xanh vào chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học; mở mã ngành đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh; xây dựng tiêu chí, mở rộng	2022 - 2030		Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	I, II, III, IV	- Chương trình, hoạt động giáo dục các cấp học có tích hợp các nội dung về tăng trưởng xanh. - Mã ngành đào tạo nguồn nhân lực trong các ngành nghề xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	triển khai xây dựng mô hình trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh **(Nhóm B, E):**					- Tiêu chí và mô hình trường học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp an toàn, xanh, sạch, thông minh.
	- Đối với giáo dục các cấp học.		Bộ Giáo dục và Đào tạo			
	- Đối với giáo dục nghề.		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			
3.2.2	Đầu tư cơ sở vật chất trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các tiêu chuẩn, tiêu chí xanh **(Nhóm B, C, E):**	2023 - 2030			I, II, III, IV	- Văn bản quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí xanh cho cơ sở vật chất trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công và tư. - Chương trình, kế hoạch đầu tư phân bổ ngân sách cho xây dựng, nâng cấp các cơ sở vật chất trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đạt tiêu chuẩn, tiêu chí xanh.
	- Đối với giáo dục các cấp học.		Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.		
	- Đối với giáo dục nghề.		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
						- Chương trình, hoạt động khuyến khích các cơ sở giáo dục tư nhân đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí xanh.
3.2.3	Tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác với khối tư nhân để đào tạo các ngành nghề xanh theo quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế và nhu cầu lao động trong các ngành nghề xanh của thành phần kinh tế tư nhân **(Nhóm B, E):**	2022 - 2030		Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN; Tổng liên đoàn Lao động VN, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.	I, II, III, IV	Các chương trình đào tạo ngành nghề xanh được tích hợp quy chuẩn đào tạo của các tổ chức quốc tế phù hợp với điều kiện, bối cảnh trong nước.
	- Đối với giáo dục sau phổ thông.		Bộ Giáo dục và Đào tạo			
	- Đối với giáo dục dạy nghề.		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
3.2.4	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số **(Cao; Nhóm B, E):**	2022 - 2030			I, II, III, IV	Các chương trình đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng kiến thức.
	- Đối với đội ngũ cán bộ quản trị công (tập trung vào cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ làm công tác hoạch định chính sách).		Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, Ủy ban dân tộc; Tổng Liên đoàn lao động VN, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật, các hội Đoàn thể.		
	- Đối với ngành ngân hàng, đặc biệt về tín dụng, ngân hàng xanh (tập trung và khối quản trị cấp trung và cao, khối tín dụng).		Ngân hàng nhà nước VN.	Hiệp hội ngân hàng, các ngân hàng chính sách và các tổ chức tín dụng.		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Đối với doanh nghiệp, đặc biệt về xanh hóa sản xuất và tiêu dùng.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN và các bộ, ngành thuộc lĩnh vực phụ trách.	Cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		
	- Đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.		Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; các trường đại học/ cao đẳng không do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.		
4	**Huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư cho tăng trưởng xanh.**					
4.1	Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách về đầu tư nhằm tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, chủ động huy động mọi nguồn lực hỗ trợ thực hiện tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.					
4.1.1	Hoàn thiện khung pháp lý hiện hành của Việt Nam theo hướng đẩy mạnh đầu tư xanh, ưu tiên các nguồn lực cho đầu tư vào dự án, giải pháp tăng trưởng	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước VN, các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Văn phòng Quốc hội, Ban	I, II, III	- Đề án/Báo cáo rà soát, khuyến nghị điều chỉnh, bổ sung khung pháp lý hiện hành về đầu tư cho tăng trưởng xanh. - Nghị định

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	xanh, chuyển đổi xanh **(Cao, Nhóm A, C):** - Rà soát, khuyến nghị sửa đổi khung pháp lý hiện hành về đầu tư cho tăng trưởng xanh. - Thiết lập cơ chế ưu đãi, khuyến khích về đầu tư xanh (ứng dụng công nghệ mới, sạch, hiện đại, phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên; công nghệ thu hồi, tận dụng và lưu trữ các-bon (Carbon capture, utilisation and storage - CCUS)…). - Tháo gỡ vướng mắc, giải quyết thủ tục đầu tư, đặc biệt là các vấn đề liên ngành, liên vùng;			Kinh tế Trung ương; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		của Chính phủ về cơ chế ưu đãi đầu tư cho dự án xanh. - Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung các quy định về đầu tư nước ngoài nhằm tháo gỡ vướng mắc về thủ tục đầu tư, tạo thuận lợi để thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài và trong nước.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, huy động đầu tư trong và ngoài nước (nguồn vốn đầu tư nước ngoài của các tập đoàn và tổ chức tài chính quốc tế, tập đoàn đa quốc gia; phát huy vai trò định hướng thị trường, dẫn dắt sản xuất và tiêu dùng xanh của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp lớn trong nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi xanh…).					
4.1.2	Xây dựng danh mục các nhiệm vụ, dự án xanh/ tăng trưởng xanh trọng điểm trong từng thời kỳ **(Cao; Nhóm A, C):**	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp.	I, II	Danh mục nhiệm vụ, dự án xanh/tăng trưởng xanh trọng điểm các ngành, các cấp.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Xây dựng công cụ hỗ trợ xác định, thẩm định (hệ thống tiêu chí, phương pháp đánh giá, xác định ưu tiên, giám sát, đánh giá tác động, kết quả...). - Đề xuất lộ trình và tổ chức triển khai.					
4.2	Xây dựng chính sách, công cụ về huy động nguồn lực cho tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.					
4.2.1	Xây dựng chính sách, ban hành hướng dẫn thúc đẩy đầu tư xanh theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) **(Cao; Nhóm A, C).**	2022 - 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.	I, II	Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm thúc đẩy đầu tư xanh trong phương thức công tư.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
4.2.2	Hoàn thiện chính sách quản lý và ưu tiên sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh **(Cao; Nhóm A, C):**	2022 - 2030			I, II	- Sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về đầu tư công theo hướng ưu tiên nguồn vốn ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh. - Các kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách nhà nước các cấp theo hướng ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho tăng trưởng xanh.
	- Chính sách và chất lượng thể chế quản lý đầu tư công. Kế hoạch đầu tư công trung hạn.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.		
	- Kế hoạch chi thường xuyên hàng năm.		Bộ Tài chính			
	- Kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách của các cấp bộ, ngành, địa phương.		Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
4.2.3	Thúc đẩy huy động nguồn lực từ thị trường trao đổi quyền phát thải, thị trường các-bon thông qua thiết lập, triển khai cơ chế, chính sách thực hiện cơ chế phát triển bền vững (Sustainable Development Mechanism - SDM) phù hợp với Bộ quy tắc hướng dẫn thực hiện Thỏa thuận Paris **(Cao; Nhóm A, C).**	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp.	I, II	- Đề án nghiên cứu, hoạt động triển khai cơ chế phát triển bền vững. - Văn bản quy phạm pháp luật về chính sách triển khai cơ chế phát triển bền vững tại Việt Nam.
4.2.4	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho tín dụng xanh và ngân hàng xanh **(Nhóm A, C)**: - Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tín dụng xanh và ngân hàng xanh phù hợp với quy định	2022 - 2025	Ngân hàng Nhà nước VN	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	I, II	- Thông tư quy định về tín dụng xanh. - Văn bản quy phạm pháp luật về quản lý rủi ro môi trường và xã hội, rủi ro khí hậu và thiên tai trong hoạt động cấp tín dụng.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	về Luật Bảo vệ môi trường 2020 **(Cao).** - Cập nhật kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý rủi ro môi trường và xã hội, rủi ro khí hậu và thiên tai trong hoạt động cấp tín dụng. - Xây dựng các hướng dẫn thực hiện nguyên tắc ngân hàng xanh của Việt Nam.					- Thông tư về cấp tín dụng của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại VN. - Quyết định hoặc hình thức văn bản phù hợp của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước VN.
4.2.5	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho trái phiếu xanh, bảo hiểm xanh (**Nhóm A, C**): - Đối với phát hành trái phiếu xanh (trái phiếu chính phủ, trái phiếu địa phương và trái phiếu doanh nghiệp) **(Cao).**	2022 - 2025	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước VN, Bộ Tài nguyên và Môi trường.	I, II	Văn bản quy phạm pháp luật về phát triển trái phiếu xanh và bảo hiểm xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Đối với bảo hiểm xanh, bao gồm xây dựng danh mục các sản phẩm bảo hiểm xanh nhằm bảo hiểm trách nhiệm ô nhiễm môi trường đối với các ngành có rủi ro môi trường cao; sản phẩm bảo hiểm rủi ro khí hậu.					
4.2.6	Xây dựng và hoàn thiện chính sách về thu, chi ngân sách nhà nước đối với các hoạt động hướng tới tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh **(Nhóm A, B, C, E)**:		Bộ Tài chính	Bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW		
	- Trình phê duyệt dự toán và đảm bảo kinh phí chi thường xuyên cho thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo quy định hiện hành.	2022 - 2025			I	Các kế hoạch, dự toán chi ngân sách nhà nước cho việc triển khai Chiến lược

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Nghiên cứu, đề xuất chính sách về quản lý và sử dụng các khoản thu, chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động đầu tư cho tăng trưởng xanh, chú trọng quy định sử dụng nguồn thu từ công cụ thuế điều chỉnh các hoạt động có phát thải các-bon. **(Cao).**				I, II	Đề án về lộ trình thực hiện, phạm vi áp dụng và quy định sử dụng nguồn thu, chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động đầu tư cho tăng trưởng xanh.
	- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của thuế, phí về bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng quy định công cụ thuế, phí để điều chỉnh các hoạt động, sản phẩm, hàng hóa có phát thải các-bon, gây tác động xấu đến môi trường.	2022 - 2030			I, II	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi quy định về thuế, phí bảo vệ môi trường.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Nghiên cứu xây dựng, ban hành danh mục các sản phẩm, công nghệ sử dụng năng lượng hiệu quả, công nghệ thân thiện với môi trường, có phát thải thấp được hưởng ưu đãi về thuế quan.	2026 - 2030			I, II	Thông tư ban hành danh mục các sản phẩm, công nghệ hưởng ưu đãi về thuế quan.
4.2.7	Phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam **(Cao; Nhóm A, C):**					
	- Xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon theo cơ chế thị trường. - Nghiên cứu cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động thị trường các-bon.	2022 - 2030	Bộ Tài chính	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước VN.	I, II	- Quyết định thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon. - Văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính cho hoạt động thị trường các-bon.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Xây dựng cơ chế và cách thức vận hành thị trường các-bon, quy định kết nối sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.	2022 - 2025	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước VN.	I, II	Văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế và cách thức vận hành thị trường các-bon.
4.3	Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính xanh, tài chính khí hậu, tài chính bền vững.					
4.3.1	Xây dựng và thực hiện các giải pháp tiếp cận, huy động các nguồn tài chính từ các định chế tài chính, các quỹ và các nhà đầu tư tư nhân quốc tế **(Cao; Nhóm A, C):**		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước VN, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		
	- Xây dựng, triển khai kế hoạch tiếp cận hiệu quả, đồng bộ các nguồn tài	2022 - 2030			I, II, III, IV	- Kế hoạch huy động nguồn tài chính quốc tế cho tăng trưởng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	chính công và tư của quốc tế, các quỹ thúc đẩy mục tiêu cho tăng trưởng xanh, PTR0, phát triển bền vững (Quỹ Phát triển bền vững Châu Âu - European Fund for Sustainable Development Plus, các gói cam kết hỗ trợ tài chính tại COP26, Quỹ Khí hậu Xanh - Green Climate Fund…); nghiên cứu thành lập Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.					- Đề án nghiên cứu việc thành lập Trung tâm tài chính quốc tế.
	- Thành lập, vận hành Quỹ Tăng trưởng xanh quốc gia nhằm thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước cho tăng trưởng xanh, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính cho các dự án xanh.	2022 - 2025			I, II, IV	- Đề án nghiên cứu việc thành lập Quỹ Tăng trưởng xanh. - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ Tăng trưởng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
4.3.2	Hoàn thiện quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận nguồn vốn nước ngoài cho tăng trưởng xanh; ưu tiên sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, các tổ chức quốc tế cho các dự án xanh **(Nhóm A, C).**	2022 - 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước VN, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	II	Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.
4.3.3	Ban hành chính sách ưu đãi về tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh, tín dụng xanh, tài chính khí hậu nhằm khuyến khích đầu tư vào các	2022 - 2025	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước VN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển	I, III	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi về tài chính cho đầu tư xanh, tín dụng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	dự án xanh, thúc đẩy tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh **(Cao; Nhóm A, C).**			nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		
4.3.4	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng các giải pháp tập trung nguồn lực cho tín dụng xanh **(Cao; Nhóm C).**	2022 - 2025	Ngân hàng Nhà nước VN	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường	I, II, III	Văn bản chỉ đạo của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước VN.
4.3.5	Tăng cường triển khai đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng **(Nhóm A, C).**	2022 - 2025	Ngân hàng Nhà nước VN	Các tổ chức tín dụng	I, II	Quy định về chỉ tiêu thống kê tín dụng xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5	**Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**					
5.1	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên đầu tư cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
5.1.1	Tháo gỡ rào cản về cơ chế và chính sách, đặc biệt là cơ chế tài chính để đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện với môi trường, đồng thời thiết lập, cập nhật thường xuyên các quy chuẩn, tiêu chuẩn và tăng cường công tác thẩm định công nghệ nhằm ngăn chặn, loại bỏ công nghệ, thiết bị lạc hậu chuyển giao vào Việt Nam **(Cao; Nhóm A, C, D)**.	2022 - 2025	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	I, II	- Đề án khuyến nghị, văn bản quy định cơ chế, chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện môi trường. - Văn bản quy định quy chuẩn, tiêu chuẩn và công tác thẩm định công nghệ xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5.1.2	Xây dựng và triển khai chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về tăng trưởng xanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, bền vững **(Cao; Nhóm D).**	2022 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các bộ, ngành theo lĩnh vực phụ trách có liên quan.	I, II, III, IV	Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia về tăng trưởng xanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, bền vững.
5.1.3	Xây dựng, hoàn thiện chính sách thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp theo hướng xanh và ban hành hướng dẫn triển khai. Khuyến khích áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến, đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh đối với doanh nghiệp trong ngành sản xuất **(Cao; Nhóm A, C, D).**	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		- Nghiên cứu, chương trình, đề án khuyến nghị chính sách. - Các văn bản hướng dẫn, chương trình thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp theo hướng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5.1.4	Nghiên cứu, thí điểm, nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cùng các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch phục vụ tăng trưởng xanh (phát triển phát thải thấp; nâng cao năng lực chống chịu; phòng, chống thiên tai; công nghệ thu hồi, tận dụng và lưu trữ các-bon CCUS...) **(Cao; Nhóm D).**	2022 - 2030	Các bộ, ngành theo thẩm quyền.	Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.	I, II, III, IV	Chương trình, đề án, các mô hình, hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), đầu tư cho công nghệ mới, sạch, tiên tiến, thúc đẩy xanh.
5.2	Đẩy mạnh tăng trưởng xanh dựa trên chuyển đổi số.					
5.2.1	Triển khai các chương trình chuyển đổi số nhằm mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tăng năng suất lao động, tạo động lực tăng trưởng xanh, phát triển bền vững **(Cao; Nhóm A, D)**:	2022 - 2030			I, II, III, IV	- Các dự án, kế hoạch, các hoạt động triển khai các Chương trình. - Kế hoạch, hoạt động đầu tư hạ tầng đồng bộ cho chuyển đổi số phục vụ tăng trưởng xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tập trung xây dựng hạ tầng cho chuyển đổi số phục vụ tăng trưởng xanh; tích hợp tăng trưởng xanh vào các chương trình, kế hoạch đầu tư hạ tầng đồng bộ trong chuyển đổi số.		Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.		
	- Đối với Chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp Chuyển đổi số giai đoạn 2021 - 2025.		Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn thương mại và công nghiệp VN; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
5.2.2	Ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý, quản trị, vận hành các nhiệm vụ, hoạt động tăng trưởng xanh. Hoàn thiện, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử các cấp **(Cao; Nhóm D)**.	2022 - 2030	Các bộ, ngành theo thẩm quyền; UBND các tỉnh, tp trực thuộc TW.	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	I, II, III, IV	Chương trình, đề án, hoạt động về ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin vào công tác quản trị, điều hành các hoạt động tăng trưởng xanh.
6	**Hội nhập và hợp tác quốc tế**					
6.1	Tăng cường và nâng cao chất lượng hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác và huy động nguồn lực hỗ trợ quốc tế để đưa Việt Nam trở thành một trong những hình mẫu về tăng trưởng xanh, thực hiện tốt các cam kết quốc tế về phát triển bền vững và biến đổi khí hậu **(Nhóm A):**	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; cộng đồng doanh nghiệp; các tổ chức xã hội.	I, II	- Báo cáo về đánh giá nhu cầu và kế hoạch hợp tác quốc tế về tăng trưởng xanh. - Các Thỏa thuận Hợp tác, hoạt động hợp tác quốc tế (chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, đàm thoại chính sách, phối hợp nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, huy động nguồn lực...).

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Thảo luận, ký kết các thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương về hợp tác triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng xanh, PTR0; tham gia vào các tổ chức/ diễn đàn, sáng kiến mới có liên quan, đặc biệt trong các vấn đề liên ngành, liên vùng về tăng trưởng xanh. - Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong tiếp nhận tài trợ quốc tế theo hướng đơn giản hóa và hài hòa hóa với các nước **(Cao)**. - Cung cấp, phổ biến thông tin minh bạch về quá trình thực hiện tăng trưởng xanh cho cộng đồng quốc tế.					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
6.2	Tích cực tham gia, tổ chức hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, phối hợp nghiên cứu chuyển giao công nghệ thực hiện tăng trưởng xanh; nghiên cứu, đề xuất với các đối tác phát triển về các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho tăng trưởng xanh; hỗ trợ kết nối các địa phương và doanh nghiệp Việt Nam với các nhà đầu tư nước ngoài; chủ động phối hợp và tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực cũng như các thách thức đối với thực hiện tăng trưởng xanh **(Nhóm A).**	2022 - 2030	Các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền; UBND các tỉnh, tp trực thuộc TW.			Các Thỏa thuận Hợp tác, hoạt động chia sẻ, học tập kinh nghiệm, nâng cao năng lực, hợp tác với quốc tế theo ngành, lĩnh vực và các cấp theo thẩm quyền.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
6.3	Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn, các tổ chức quốc tế trong bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước xuyên biên giới **(Nhóm A):** - Chủ động tham gia các diễn đàn, khuôn khổ hợp tác khu vực, quốc tế; tích cực tham gia các hiệp ước, điều ước quốc tế có liên quan đến tài nguyên nước xuyên biên giới trên cơ sở hợp tác, phối hợp, công bằng, hợp lý, bảo đảm chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia. - Xây dựng, thúc đẩy cơ chế chia sẻ thông tin, số liệu trong vận hành điều tiết	2022 - 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Ngoại giao; Bộ Quốc phòng	I, II	Thỏa thuận Hợp tác, các hoạt động hợp tác với các nước trong khu vực.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	nguồn nước, các công trình phía thượng nguồn sông Hồng, sông Mê Công; cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột tài nguyên nước xuyên biên giới theo các quy định của Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Sử dụng các nguồn nước liên quốc gia cho các mục đích phi giao thông thủy và thông lệ quốc tế có liên quan khác.					
7	**Bình đẳng trong chuyển đổi xanh: Đảm bảo các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là các chủ thể bị ảnh hưởng khi cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, các nhóm yếu thế (phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật, người già) được tiếp cận bình đẳng các cơ hội, thông tin, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ xã hội cơ bản, phù hợp với các lĩnh vực, việc làm mới trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.**					
7.1	Rà soát, xây dựng và bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực và tiếp cận với các nguồn lực (vốn, thông tin, dịch vụ xã hội) cho các nhóm yếu thế (phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế.					

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
7.1.1	Phân tích và dự báo những tác động khi có thay đổi về chính sách đến cuộc sống của hộ gia đình và người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh **(Cao; Nhóm A, E).**	2022 - 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, Ủy ban dân tộc; Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN.	I, II; IV	Các kết quả nghiên cứu và phân tích về tác động khi thay đổi chính sách đến cuộc sống của hộ gia đình và người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.
7.1.2	Rà soát, xây dựng và bổ sung các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế **(Cao; Nhóm A, E).**	2022 - 2025	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước VN, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, Ủy ban dân tộc; Tổng Liên đoàn lao động VN, Liên đoàn thương	I, II, III, IV	Các chương trình, đề án dành cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế: (1) chính sách ưu đãi, hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực; (2) chính sách ưu đãi, hỗ trợ tiếp

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				mại và công nghiệp VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Nông dân VN; các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		cận với các nguồn lực (vốn, thông tin, dịch vụ xã hội); (3) tiếp cận các kênh thông tin lao động, việc làm, các tiến bộ khoa học và công nghệ và các cơ hội hưởng lợi trong tăng trưởng xanh; (4) các khóa đào tạo nâng cao năng lực.
7.2	Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế (gồm Phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người nghèo, người già) và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế					
7.2.1	Tích hợp và thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong ba chương trình mục tiêu Quốc gia (giai đoạn 1 từ 2021 - 2025) **(Nhóm E):**	2021 - 2023		Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, Ủy ban dân tộc; Hội Liên hiệp Phụ nữ VN; Hội Nông dân VN.	I, II, III, IV	Các bổ sung, hướng dẫn thực hiện trong 3 chương trình mục tiêu quốc gia.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Chương trình Giảm nghèo bền vững.		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			
	- Chương trình Xây dựng Nông thôn mới.		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
	- Chương trình Phát triển Kinh tế xã hội vùng Dân tộc thiểu số.		Ủy ban dân tộc			
7.2.2	Thúc đẩy thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế và các nhóm bị ảnh hưởng tiêu cực đến việc làm trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế trong chương trình, kế hoạch của các ngành, các lĩnh vực **(Nhóm E).**	2021 - 2023	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN, Tổng Liên đoàn lao động VN; các Hiệp hội ngành nghề.	I, II, III, IV	Các bổ sung, hướng dẫn thực hiện trong 3 chương trình, kế hoạch của các ngành, lĩnh vực.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
8	**Năng lượng:** **- Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia theo hướng phát triển đồng bộ các nguồn năng lượng, khai thác và sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng trong nước và chuyển đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm sự phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch; đẩy mạnh khai thác có hiệu quả và tăng tỷ trọng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong sản xuất và tiêu thụ năng lượng của quốc gia. Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng.** **- Áp dụng công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối, giảm tổn thất điện năng, nâng cao hiệu quả sử dụng điện tiến tới xây dựng lưới điện thông minh.**					
8.1	Tích hợp và tăng cường giám sát thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh trong xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển năng lượng nhằm tăng cường an ninh năng lượng quốc gia, thúc đẩy chuyển dịch năng lượng, đảm bảo phát triển năng lượng bền vững					
8.1.1	Xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện (1) Quy hoạch tổng thể về năng lượng phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính; (2) Quy hoạch điện lực quốc gia phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính tiến tới loại bỏ nhiệt điện than trước năm 2040 **(Cao).**	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN; Hiệp hội năng lượng VN.	I	Đề án xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể về năng lượng phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
8.1.2	Xây dựng quy định, chế tài hàng năm đối với việc áp dụng tiêu chuẩn tỷ lệ năng lượng tái tạo (renewable portfolio standard) cho các đơn vị sản xuất điện, phân phối điện phù hợp với mục tiêu giảm phát thải **(Cao).**	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội năng lượng VN; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN.	I, II	Thông tư về việc áp dụng tiêu chuẩn tỷ lệ năng lượng tái tạo cho các đơn vị sản xuất điện, phân phối điện phù hợp với mục tiêu giảm phát thải.
8.2	Hoàn thiện các thị trường năng lượng cạnh tranh, xây dựng cơ chế giá hiệu quả, hoàn thiện cơ chế dịch vụ phụ trợ và lưu trữ năng lượng					
8.2.1	Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế quản lý vận hành thị trường điện phù hợp với bối cảnh tỷ trọng các nguồn điện từ năng lượng tái tạo trong hệ thống tăng cao **(Nhóm A, C, D, E):** - Hoàn thiện các quy định trong Luật Điện lực,	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN; Hiệp hội năng lượng VN, Hội Điện lực VN, Tập đoàn Điện lực VN.	I, II	- Luật điện lực sửa đổi và các văn bản dưới Luật. - Nghị định về quản lý nhu cầu và điều chỉnh phụ tải. - Văn bản quy phạm pháp luật về các giao dịch mua bán các dịch vụ phụ trợ trong thị trường điện.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	khung pháp lý cho phép các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào hạ tầng truyền tải; Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung "Đề án tổng thể phát triển Lưới điện thông minh" theo tình hình mới **(Cao)** - Hoàn thiện các chương trình Quản lý nhu cầu (DSM) và Điều chỉnh phụ tải điện (DR) phù hợp với xu hướng tích hợp năng lượng tái tạo vào hệ thống điện **(Cao).** - Hoàn thiện các quy định về giao dịch, mua bán các dịch vụ phụ trợ trong thị trường điện, tăng cường khả					- Quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA).

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	năng tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo của hệ thống điện, xây dựng bộ tiêu chuẩn kỹ thuật cho các loại hình nguồn điện hiện có và dự kiến xây mới để đảm bảo nâng cao độ linh hoạt và giảm tác động môi trường. - Hoàn thiện, áp dụng Cơ chế mua bán điện trực tiếp (DPPA) góp phần thúc đẩy phát triển các nguồn điện năng lượng tái tạo.					
8.2.2	Xây dựng cơ chế pháp lý cung cấp năng lượng phù hợp **(Nhóm A, D)**: - Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đấu thầu, đấu giá cung cấp năng	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.	I, II	- Thông tư về cơ chế đấu thầu, đấu giá cung cấp năng lượng. - Thông tư về cơ chế giá, phí cho các hạ tầng năng lượng.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	lượng phù hợp, đặc biệt trong các dự án đầu tư năng lượng tái tạo, năng lượng mới **(Cao).** - Xây dựng cơ chế giá, phí hợp lý cho các hạ tầng năng lượng dùng chung (đường dây truyền tải điện, đường ống dẫn khí, kho cảng khí tự nhiên hóa lỏng...).					
8.3	Xây dựng Luật năng lượng mới và tái tạo; hoàn thiện các cơ chế khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo theo hướng minh bạch và ổn định					
8.3.1	Xây dựng Luật về năng lượng tái tạo **(Cao; Nhóm A, C).**	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành có liên quan.	I, II	Luật và văn bản dưới luật về năng lượng tái tạo
8.3.2	Xây dựng quy định pháp lý nhằm đạt được các mục tiêu về năng lượng tái tạo **(Cao, Nhóm A):** - Hoàn thiện khuôn khổ pháp	2022 - 2030	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính; Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN; Liên	I, II	Văn bản quy phạm pháp luật về (1) cơ chế hỗ trợ, thủ tục cấp phép, hợp đồng mua bán điện đối với điện gió ngoài

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	lý, khung chính sách (cơ chế hỗ trợ, thủ tục cấp phép, hợp đồng mua bán điện đối với điện gió ngoài khơi…). - Xây dựng các quy định về cắt giảm công suất phát điện các dự án điện năng lượng tái tạo.			hiệp các hiệp hội Khoa học Kỹ thuật VN, Hiệp hội Năng lượng VN, Hội Điện lực VN; Tập đoàn Điện lực VN.		khơi; (2) cắt giảm công suất phát điện các dự án điện năng lượng tái tạo.
8.4	Tạo hành lang pháp lý đủ mạnh để hỗ trợ nghiên cứu công nghệ nhiên liệu xanh (hydrogen xanh, amoniac, nhiên liệu sinh học...); thực hiện một số đề án thử nghiệm sản xuất nhiên liệu xanh; đánh giá tiềm năng thu hồi, sử dụng và lưu giữ các-bon (CCUS).					
8.4.1	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động sản xuất, lưu trữ, vận chuyển, sử dụng nhiên liệu xanh **(Cao; Nhóm A, D).**	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính; Văn phòng Quốc hội, Ban Kinh tế Trung ương; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN; Hiệp hội Năng lượng.	I, II	Quyết định của Thủ tướng về hoạt động sản xuất, lưu trữ, vận chuyển, sử dụng nhiên liệu xanh.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
8.4.2	Xây dựng lộ trình phát triển công nghệ sản xuất, lưu trữ, vận chuyển, sử dụng nhiên liệu xanh (**Nhóm A, D**).	2026 - 2030	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính; Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN; Hiệp hội Năng lượng.	I, II	Đề án sản xuất thử nghiệm và đề án xây dựng lộ trình phát triển công nghệ sản xuất, lưu trữ, vận chuyển, sử dụng nhiên liệu xanh.
8.4.3	Đánh giá tiềm năng và khả năng thu hồi, sử dụng và lưu giữ các-bon (CCUS) **(Cao; Nhóm D).**	2022 - 2025	Bộ Công Thương	Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW liên quan.	I, II	Đề án Nghiên cứu đánh giá tiềm năng và khả năng thu hồi, sử dụng và lưu giữ các-bon (CCUS).
8.5	Thúc đẩy việc thực thi Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy về sử dụng năng lượng hiệu quả					
8.5.1	Hoàn thiện và ban hành các tiêu chuẩn, quy định bắt buộc kèm theo chế tài về các định mức	2026 - 2030	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát	I, II	Thông tư ban hành các tiêu chuẩn, quy định bắt buộc kèm theo chế tài về các định mức

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	tiêu thụ năng lượng của các phân ngành kinh tế **(Nhóm A).**			triển nông thôn, Bộ Tài chính; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN, Hiệp hội Năng lượng.		tiêu thụ năng lượng của các phân ngành kinh tế.
8.5.2	Ban hành cơ chế chính sách, quy định pháp luật đối với mô hình kinh doanh công ty dịch vụ tiết kiệm năng lượng (ESCO) **(Cao; Nhóm A):**	2022 - 2025		Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên minh hợp tác xã, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN, Hiệp hội Năng lượng, Hiệp hội các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội Bảo vệ người tiêu dùng.	I, II	Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung liên quan đến kỹ thuật và tài chính đối với mô hình kinh doanh công ty dịch vụ năng lượng: điều kiện kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh, hướng dẫn cách thức đo lường hiệu quả năng lượng, xác nhận năng lượng tiết kiệm, hợp đồng mẫu hiệu quả năng lượng, quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động ESCO.
	- Quy định kỹ thuật đối với mô hình kinh doanh công ty dịch vụ năng lượng.		Bộ Công Thương			
	- Quy định tài chính đối với mô hình kinh doanh công ty dịch vụ năng lượng.		Bộ Tài chính			

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
9	**Công nghiệp:** **- Nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng.** **- Từng bước hạn chế các ngành phát sinh chất thải lớn, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, tạo điều kiện phát triển các ngành sản xuất xanh mới. Chú trọng ứng dụng công nghệ xanh, hệ thống quản lý và kiểm soát hoạt động sản xuất theo kinh nghiệm thực hành tốt để tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải, cải thiện môi trường sinh thái.**					
9.1	Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện nghiêm ngặt kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng hiệu quả cho các tiểu ngành công nghiệp **(Nhóm A, B):**		Bộ Công Thương			
	- Tiếp tục hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng cho tiểu ngành sắt thép và hóa chất **(Cao)**.	2022 - 2025		Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành khác có liên quan.	I	Thông tư về quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng cho tiểu ngành sắt thép và hóa chất.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	- Tuân thủ nghiêm ngặt, thực hiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng và các quy định khác về sử dụng năng lượng hiệu quả đối với các tiểu ngành công nghiệp.	2024 - 2030		Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; cộng đồng doanh nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.	I, II, III	Đề án đánh giá mức độ thực hiện và tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức tiêu thụ năng lượng.
9.2	Xây dựng danh mục và hướng dẫn triển khai các giải pháp kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT), kinh nghiệm quản lý môi trường tốt nhất (BEP) cho các ngành công nghiệp theo điều kiện quốc gia và mức độ phát triển của khoa học và công nghệ.					
9.2.1	Xây dựng, cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần danh mục các công nghệ xanh, phát thải các-bon thấp trong các ngành công nghiệp để tạo thuận lợi cho huy động đầu tư **(Cao; Nhóm A, D).**	2022 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính.	I, II	Đề án về xây dựng và cập nhật danh mục các công nghệ xanh, phát thải các-bon thấp trong các ngành công nghiệp.
9.2.2	Triển khai kế hoạch áp dụng giải pháp BAT, BEP trong các	2023 - 2030	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	I, II	Đề án, nghiên cứu, hoạt động triển khai về (1) kế hoạch áp

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	tiểu ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng và có tỷ trọng phát thải cao; lộ trình triển khai áp dụng các công nghệ tiên tiến, tự động hóa cao, ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất **(Nhóm A, B, D).**					dụng giải pháp BAT, BEP trong các tiểu ngành công nghiệp; (2) lộ trình triển khai áp dụng các công nghệ tiên tiến, tự động hóa cao, ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất.
9.3	Khai thác, sử dụng tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm; tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải **(Nhóm A, B, D, E):**	2022 - 2030	Bộ Công Thương			
	- Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong các doanh nghiệp sản xuất **(Cao).**			Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN; cộng đồng doanh	I, II, III, IV	Dự án triển khai các giải pháp về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong các doanh nghiệp sản xuất.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
				nghiệp, các Hiệp hội ngành nghề có liên quan.		
	- Hoàn thiện quy định hướng dẫn khai thác, chế biến tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên (khoáng sản, nước, năng lượng), nâng cao hiệu quả nền công nghiệp.			Bộ Tài nguyên và Môi trường.	I, II	Dự án về sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên và phát triển nền công nghiệp.
9.4	Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về khu công nghiệp, cụm công nghiệp sinh thái, làng nghề bền vững; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong xây dựng, vận hành, quản lý các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề.					
9.4.1	Đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng thúc đẩy khu công nghiệp sinh thái, khu chế xuất theo hướng tăng trưởng xanh; tăng cường cộng sinh công nghiệp đối với khu công nghiệp **(Nhóm A, B, E):** - Phát triển Khu công nghiệp sinh thái: Hoàn thiện thể chế,	2022 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW.	I, II, III, IV	- Văn bản quy phạm pháp luật về áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn trong xây dựng, quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế. - Dự án về phát triển hạ tầng khu công nghiệp theo hướng sinh thái, cộng sinh công nghiệp.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	chính sách, tài liệu hướng dẫn về đầu tư cơ sở hạ tầng thúc đẩy khu công nghiệp sinh thái; áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn trong xây dựng, quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế; xây dựng mới, chuyển đổi các khu công nghiệp theo hướng khu công nghiệp sinh thái; xây dựng các trung tâm chuyển giao và mua bán chất thải có thể tái chế trong các khu công nghiệp sinh thái, phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải liên vùng, liên tỉnh. Khuyến khích một số khu công nghiệp, khu chế xuất xây dựng hình mẫu khu công nghiệp					- Dự án đầu tư trung tâm chuyển giao và mua bán chất thải có thể tái chế trong các khu công nghiệp sinh thái. - Nghị định/ Quyết định về cộng sinh công nghiệp.

STT	Nhiệm vụ, hoạt động cụ thể (Mức độ ưu tiên[1]; Nhóm chủ đề[2])	Thời gian thực hiện	Phân công trách nhiệm		Nguồn lực tài chính[3]	Dự án, Đề án, Nhiệm vụ (Dự kiến)
			Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp		
	dựa trên nền tảng logistics theo hướng thúc đẩy các mục tiêu tăng trưởng xanh **(Cao)**. - Tăng cường cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, giữa khu công nghiệp và đô thị, giữa các khu công nghiệp.					
9.4.2	Xây dựng, hình thành các cụm công nghiệp sinh thái; chính sách khuyến khích, ưu đãi, phát triển cụm công nghiệp sinh thái, làng nghề bền vững; các mô hình, sáng kiến cộng sinh công nghiệp giữa các doanh nghiệp trong và giữa các cụm công nghiệp **(Nhóm A, E).**	2022 - 2027	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành khác có liên quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp VN.	I, II, III	- Đề án về phát triển cụm công nghiệp, cụm làng nghề. - Các dự án đầu tư phát triển cụm công nghiệp, làng nghề bền vững.

(Xem tiếp Công báo số 649 + 650)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng